

Số: /2025/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng,
ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày
01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp
để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và
Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm
tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 133/TTr-STP ngày
09 tháng 8 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định biện pháp
thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của
Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định biện pháp thi hành
một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng
nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành
và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Báo và Đài PTTH Lạng Sơn;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, đơn vị;
- Lưu: VT, NC_(PVD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu

QUY ĐỊNH

**Biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản
quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định biện pháp thi hành một số nội dung về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, bao gồm: lập danh mục văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; xin ý kiến cấp ủy đối với dự thảo nghị quyết, quyết định; xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành).

3. Người trực tiếp tham gia xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN, QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Lập danh mục văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bộ Tư pháp, bộ, cơ quan ngang bộ về danh mục các nội dung giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, các sở, ban, ngành có trách nhiệm đề xuất, xác định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hành chính về danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết

định hành chính về danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

d) Định kỳ hằng quý, năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Các sở, ban, ngành căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, xây dựng dự thảo tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật. Dự thảo tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết phải nêu rõ sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, dự kiến nội dung chính của văn bản, nguồn lực và các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản; trình tự, thủ tục xây dựng văn bản (trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn); dự kiến thời gian trình thông qua.

b) Hồ sơ dự thảo đăng ký xây dựng nghị quyết phải gửi Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan (nếu có) để tham gia ý kiến.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan tham gia ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành có liên quan về việc đăng ký xây dựng nghị quyết.

c) Căn cứ ý kiến tham gia của Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan, cơ quan chủ trì hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo đăng ký xây dựng nghị quyết.

d) Căn cứ nội dung của đăng ký xây dựng nghị quyết, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng nghị quyết.

đ) Căn cứ văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về đăng ký xây

dựng nghị quyết, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phân công soạn thảo nghị quyết, trong đó nêu rõ tên văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình dự thảo, quy trình xây dựng văn bản.

2. Đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Các sở, ban, ngành tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21, đăng ký xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật.

b) Nội dung văn bản đăng ký, việc tham gia ý kiến, hoàn thiện đăng ký xây dựng quyết định thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp đăng ký xây dựng quyết định vào chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp văn bản đăng ký chưa có trong chương trình công tác hằng năm, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông báo chấp thuận xây dựng văn bản và phân công soạn thảo quyết định, nội dung văn bản thông báo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp không phải đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trường hợp xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đã có trong danh mục văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên tại Điều 3 Quy định này.

b) Trường hợp đã có văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì không phải đăng ký lại.

Mục 2

XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH

Điều 5. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. Nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật.

Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức việc soạn thảo. Trong trường hợp xây dựng văn bản liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều sở, ban, ngành, điều chỉnh những vấn đề mới ở địa phương; các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh; thực hiện thí điểm các chính sách theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo. Đối với các trường hợp khác, cơ quan chủ trì tự tổ chức soạn thảo hoặc thành lập Tổ soạn thảo trong nội bộ sở, ban, ngành.

3. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết

Việc tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan, một số nội dung cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải xác định cụ thể những vấn đề trọng tâm cần lấy ý kiến, đối tượng lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một hoặc kết hợp nhiều hình thức: bằng văn bản, thông qua hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác.

Đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

b) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được

đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với các dự thảo nghị quyết có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15.

b) Việc lấy ý kiến phản biện xã hội được thực hiện trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định.

5. Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo nghị quyết;

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có);

e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật.

6. Chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các trình tự, thủ tục tiếp theo trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 6. Thẩm định dự thảo nghị quyết

1. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.

Đối với dự thảo nghị quyết do Sở Tư pháp soạn thảo, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản để thực hiện thẩm định, trong đó có đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện (nếu có).

3. Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Nội dung thẩm định gồm các vấn đề sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính;

đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo nghị quyết đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện.

Điều 7. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo nghị quyết; xin ý kiến cấp ủy đối với dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;

b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc trình dự thảo nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc biểu quyết có thể được thực hiện tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, bằng phiếu lấy ý kiến các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc trường hợp phải xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Sau khi dự thảo nghị quyết được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến; tham mưu hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 3

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 8. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã

hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật.

Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức việc soạn thảo. Trong trường hợp xây dựng văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ban, ngành, điều chỉnh những vấn đề mới ở địa phương, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo. Đối với các trường hợp khác, cơ quan chủ trì tự tổ chức soạn thảo hoặc thành lập Tổ soạn thảo trong nội bộ sở, ban, ngành.

3. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định

Việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan, một số nội dung cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải xác định cụ thể những vấn đề trọng tâm cần lấy ý kiến, đối tượng lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một hoặc kết hợp nhiều hình thức: bằng văn bản, thông qua hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác.

Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

b) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Việc lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với dự thảo quyết định được thực hiện theo khoản 4 Điều 5 Quy định này.

5. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

- a) Tờ trình;
- b) Dự thảo quyết định;
- c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;
- đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

6. Chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các trình tự, thủ tục tiếp theo trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 9. Thẩm định dự thảo quyết định

1. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.

Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tư pháp soạn thảo, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản để thực hiện thẩm định, trong đó có đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy

định tại khoản 5 Điều 8 Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện (nếu có).

3. Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này.

5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện.

Điều 10. Xem xét, thông qua dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;

b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo. Trường hợp hồ sơ dự thảo không đầy đủ, chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

4. Căn cứ tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định. Việc biểu quyết có thể được thực hiện tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, bằng phiếu lấy ý kiến các thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Việc xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với dự thảo quyết định được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định này.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định.

Mục 4**XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****Điều 11. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức việc soạn thảo.

3. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định

Việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan, một số nội dung cụ thể như sau:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan chủ trì soạn thảo phải xác định cụ thể những vấn đề trọng tâm cần lấy ý kiến, đối tượng lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng một hoặc kết hợp nhiều hình thức: bằng văn bản, thông qua hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức phù hợp khác.

b) Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.

c) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Trong đó, Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo quyết định;

c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).

5. Chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; trong thời gian đăng tải được thực hiện đồng thời các trình tự, thủ tục tiếp theo trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 12. Thẩm định dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Sở Tư pháp tự thẩm định hoặc tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Sở Tư pháp mời đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan; chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) tham gia cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.

Đối với dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tư pháp soạn thảo, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản để thực hiện thẩm định, trong đó có đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy định này và bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến phản biện (nếu có).

3. Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Nội dung thẩm định gồm các vấn đề sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính;

đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

5. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện.

Điều 13. Xem xét, ký ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này;

b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo. Trường hợp hồ sơ dự thảo không đầy đủ, chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành quyết định.

Mục 5

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN**

Điều 14. Trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

2. Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

3. Trường hợp cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

4. Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

5. Trường hợp cần điều chỉnh thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn;

6. Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

Điều 15. Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm các nội dung:

a) Sự cần thiết ban hành, trong đó nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn, dự báo tác động tiêu cực đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và hậu quả có thể xảy ra nếu không kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết;

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

c) Dự kiến nội dung chính của văn bản quy phạm pháp luật;

d) Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 14 Quy định này;

đ) Trường hợp đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện đồng thời với việc đăng ký xây dựng nghị quyết, quyết định thì phải có thêm các nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Việc tham gia ý kiến, hoàn thiện và xem xét đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định tại khoản

1 và khoản 2 Điều 4 Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Soạn thảo dự thảo nghị quyết

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.

2. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến bằng văn bản.

3. Thẩm định dự thảo nghị quyết

a) Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo gồm văn bản đề nghị thẩm định; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định. Trường hợp cơ quan thẩm định kết luận dự thảo chưa đủ điều kiện trình, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo để thẩm định lại.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có).

5. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo nghị quyết; xin ý

kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Quy định này.

Điều 17. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Soạn thảo dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.

2. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến bằng văn bản.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo gồm văn bản đề nghị thẩm định; dự thảo tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; tài liệu khác (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

c) Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định. Trường hợp cơ quan thẩm định kết luận dự thảo chưa đủ điều kiện trình, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo để thẩm định lại.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hồ sơ trình dự thảo quyết định bao gồm: tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có).

b) Trình tự, thủ tục xem xét thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 10; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Quy định này.

Mục 6

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG,
BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Điều 18. Điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Cán bộ, công chức, người làm công tác xây dựng pháp luật được hưởng tiền lương, phụ cấp, các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.
2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác nghiên cứu chính sách, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng của tỉnh.
3. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.
2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, cá nhân gửi kiến nghị, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.